

TƯ TƯỞNG “TỨ ÂN” TRONG MỘT SỐ TÔN GIÁO BẢN ĐỊA Ở NAM BỘ

NGUYỄN PHƯỚC TÀI*
NGUYỄN THUẬN QUÝ**
GIANG THỊ TRÚC MAI***

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ xuất hiện một số tôn giáo bản địa khá đông tín đồ, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Phật giáo Hòa Hảo... Qua tôn chỉ hành đạo, giáo lý, sám giảng, luật đạo, bài viết phân tích, đối chiếu để thấy rõ hơn tư tưởng “tứ ân” trong từng tôn giáo ở Nam Bộ lúc bấy giờ.

Từ khóa: tôn giáo bản địa; Nam Bộ; Bửu Sơn Kỳ Hương; Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn; Phật giáo Hòa Hảo

Nhận bài ngày: 11/9/2020; đưa vào biên tập: 20/10/2020; phản biện: 15/1/2021; duyệt đăng: 7/3/2021

1. DẪN NHẬP

Để có cuộc sống tốt đẹp hơn, nhiều ruộng vườn hơn, không ít người dân miền Bắc, miền Trung di cư vào miền Nam khai hoang, lập làng. Ở vùng đất mới Nam Bộ, tín ngưỡng tôn giáo là chỗ dựa tinh thần xoa dịu nỗi nhớ quê cha đất tổ, cầu nguyện an lành cho cha mẹ vì nỗi day dứt chưa tròn chữ hiếu, và mong chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... không xảy ra.

Cuộc sống của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ lúc bấy giờ xuất hiện hiện tượng giao thoa văn hóa, tín ngưỡng dân gian với người Khmer, Chăm, Hoa... Tuy nhiên, với những tín ngưỡng truyền thống mang theo, đa

phần những người di dân vào vùng đất Nam Bộ sinh sống không bị ảnh hưởng của một hệ tư tưởng chủ đạo hay một tín ngưỡng dân gian nào, mà họ bị chi phối bởi nhiều hệ tư tưởng, tín ngưỡng, các tôn giáo cũ - mới khác nhau cùng tác động đến đời sống tâm linh của họ.

Những yếu tố trên đã tác động mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của cư dân Nam Bộ, và đây cũng được xem là tiền đề và điều kiện thuận lợi cho việc ra đời các tôn giáo bản địa (hay “tôn giáo địa phương”, “tôn giáo nội sinh”). Tôn giáo ở Nam Bộ có đặc điểm riêng so với Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo, Kito giáo – những tôn giáo lớn, du nhập vào Việt Nam và Nam Bộ. Cụ thể như: Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài... là các tôn giáo bản địa với tôn

* Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

** Trường Đại học Đồng Tháp.

*** Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh.

chỉ hành đạo là khuyên dạy tín đồ sống hiếu nghĩa, làm lành, lánh dữ, tự sửa mình, thực hiện các hoạt động trị bệnh cứu người, vận động nhân dân đứng lên chống giặc cứu nước - tư tưởng “tứ ân”.

2. QUAN NIỆM “TỨ ÂN” CỦA MỘT SỐ TÔN GIÁO BẢN ĐỊA Ở NAM BỘ

Quan niệm tứ ân của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do ông Đoàn Minh Huyền (hay Đoàn Văn Huyền) sáng lập vào năm 1849 tại Cốc ông Đạo Kiến (nay là Tây An Cổ Tự, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, An Giang). Ông đã sử dụng bốn chữ khoán thủ trong bài thơ *Tứ Bửu Linh Tự* để đặt tên. Bài thơ này khi đọc theo chiều dọc và chiều ngang đều có ý nghĩa là ghi dấu chỗ phát tích của tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương và mang ước vọng cho người dân Nam Bộ nói riêng và cả dân tộc Việt Nam nói chung một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Lúc bấy giờ, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có đông tín đồ và ảnh hưởng rộng rãi ở Nam Bộ, nên sau khi ông Đoàn Minh Huyền mất đã xuất hiện nhiều “ông đạo” tự nhận mình là hậu thân của Đức Phật Thầy Tây An như: Đạo Đền, Đức Phật Trùm,... tuy nhiên, người được người dân xem là hậu thân tiếp theo là Ngô Lợi, người sáng lập ra đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Kế thừa tư tưởng của Phật giáo nhưng ông Đoàn Minh Huyền đã Việt hóa nội dung và tên gọi của các giáo lý để người dân dễ hiểu và hiểu rõ

hơn. Quan niệm tứ ân được ông Đoàn Minh Huyền đề cập trong *Sám truyền* - Đức Phật Thầy Tây An của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

“Kính Trời kính Đất, Thần Minh, Tông môn phụng tự giữ toàn Tứ Ân” (Nguyễn Văn Hầu, 1973: 88-89).

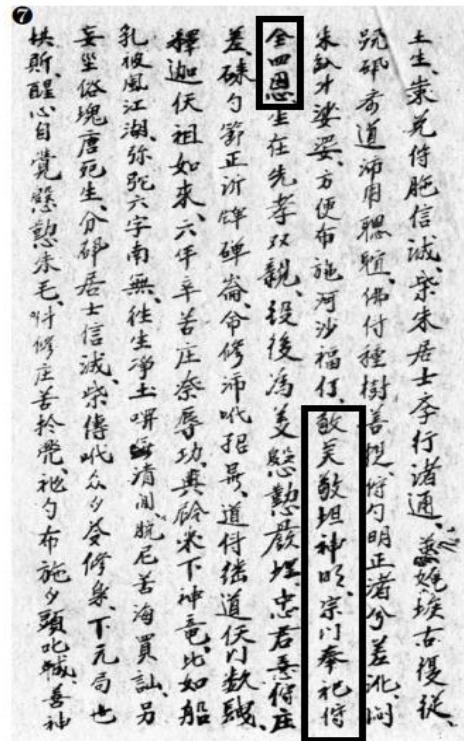
So sánh bản dịch của Nguyễn Văn Hầu và bản chữ Hán, tác giả cho rằng từ “kính” mới là đúng nhất:

“Kính Trời kính Đất, Thần Minh, Tông môn phụng tự giữ toàn Tứ Ân”

Một số tài liệu, bài viết có sự nhầm lẫn giữa từ “sự” và “tự” ở hai câu sám trên. Theo tác giả Nguyễn Văn Hầu dùng từ “tự” là hoàn toàn chính xác.

102

SÁM TRUYỀN



敬天敬地神明。

宗門奉祀存全四恩

(Kính Thiên kính Địa, Thần Minh
Tông môn phụng tự tồn toàn Tứ ân)

Hai câu sấm trên khuyên tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương phải làm tròn tứ ân - ân tổ tiên; ân đất nước; ân tam bảo; ân đồng bào và nhân loại (Nguyễn Văn Hầu, 1973: 32) (trong đó ông Đoàn Minh Huyền lấy ân tổ tiên đặt lên trên hết trong tứ ân).

Quan điểm tứ ân của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tuy có sự kế thừa từ Phật giáo, nhưng nếu xét về bản chất thì Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo có nhiều điểm khác nhau. Phật giáo không phân biệt Tổ quốc, quê hương, nòi giống, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thì xem việc phụng sự tổ quốc, quê hương, nòi giống là nghĩa vụ, là bổn phận của tín đồ khi thực hiện tứ ân, đây là triết lý sống của tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương. Thứ hai, quan điểm tứ ân không phải là giáo lý cốt lõi của Phật giáo nhưng Bửu Sơn Kỳ Hương thì xem đây là căn cốt giáo lý của tôn giáo mình.

Quan điểm tứ ân trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa do ông Ngô Lợi (hay Ngô Tự Lợi, Năm Lợi) sáng lập vào năm 1867 tại chùa Phi Lai, Châu Đốc, An Giang. Tên gọi Tứ Ân Hiếu Nghĩa bao hàm chỉ mục đích và nội dung hành đạo và có thể nói đó là một tên gọi mang ít nhiều tính dân gian (Đình văn Hạnh, 1999: 62-63).

Với ông Ngô Lợi ngoài việc khuyên bảo tín đồ thực hiện tứ ân còn khuyên dạy họ phải làm tròn hiếu nghĩa. Như vậy, từ tên gọi của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã cho ta thấy tư tưởng tứ ân của ông Ngô Lợi được nâng lên là tứ

đại trọng ân: ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước (hay quốc vương thủy thổ), ân tam bảo (Phật, pháp, tăng), ân đồng bào, nhân loại; Còn hiếu nghĩa: có hiếu với tổ tiên cha mẹ, có nghĩa với đồng bào trong xã hội.

“Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên” (có nghĩa là: Muôn ngàn kinh điển nghĩa thảo làm đầu) (Hà Tân Dân, 1971). Đây được xem là điểm khác biệt rõ nhất trong việc tu nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa với tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương.

Việc ông Ngô Lợi khuyên tu nhân đạo, lấy tứ đại trọng ân làm tiêu chí được kế thừa từ *Kim Cang kinh* của Phật giáo.

Quan điểm tứ ân của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn do các ông Đạo và giáo sư Nguyễn Ngọc An sáng lập ra năm 1915 ở Tà Lơn, sau đó về Tân Hội, Kiên Giang. Khai đạo vào năm 1921 và chùa An Bình, Kiên Lương được xem là tổ đình của đạo. Ý nghĩa của tên gọi “Phật giáo Hiếu Nghĩa Là Lơn” là tu hành theo pháp môn Phật giáo, lấy hiếu nghĩa làm phương châm hành đạo, Tà Lơn là địa danh nơi các ông Đạo và giáo sư Nguyễn Ngọc An sáng lập. Với chủ trương tu nhân đạo theo bậc hạ thừa, nên ông Nguyễn Ngọc An ngoài việc truyền bá tôn giáo, ông còn truyền dạy cho các tín đồ của mình lòng trung quân, ái quốc, và đó chính là mục tiêu hành đạo: “Tu cho quốc vương, thủy thổ, giữ gìn ngọn rau, tắt đất, nước nhà (Nguyễn Ngọc An, 1968a: 31). Quan điểm về tứ ân của Phật giáo

Hiếu Nghĩa Tà Lợn là: ân đất nước; ân tổ tiên, cha mẹ; ân tam bảo, Phật pháp, tăng; ân đồng bào nhân loại (Nguyễn Ngọc An, 1968b: 19) (ân đất nước là trách nhiệm đầu tiên thực hiện tứ ân của tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn). Ngoài ra, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn còn lấy chữ “hiếu”, chữ “nghĩa” để khuyên dạy tín đồ.

Theo ông Nguyễn Ngọc An (1968b: 6), Hiếu nghĩa trong Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn được xem là hạt nhân của toàn bộ giáo lý, vì trong trời đất vũ trụ, “Hiếu” là căn nguyên của sự sống, lan tỏa khắp tam tài: trời, đất và người. Đó chính là hiếu thiên (hiếu với trời); hiếu địa (hiếu với đất); hiếu nhân (hiếu với người). Cụ thể: “(1) Hiếu chí ư thiên tắc phong vũ thuận thì; (2) Hiếu chí ư địa sinh hóa vạn vật; (3) Hiếu chí tổ giáo huấn thập nhị công nghệ; (4) Hiếu chí Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nuôi dưỡng người; (5) Hiếu chí tổ nội, tổ ngoại, đạo đồng nhất lý; (6) Hiếu chí phụ mẫu sinh thành hình vóc, tóc da, thân thể; (7) Hiếu chí phụ mẫu, kế phụ mẫu không sinh, có dưỡng đạo đồng”. Như vậy chữ “Hiếu” của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn được thể hiện qua 7 tiêu chí như trên. Còn “Nghĩa” của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn thực hành theo ba nguyên tắc: (1) Nghĩa với nước, có nghĩa là phải tận tâm vì nước, (2) Nghĩa với bạn là phải xây dựng lòng tin nơi bạn, thật thà, không dối lừa phản bạn và (3) Nghĩa với người là cho mọi người cảm phục đức tính, lòng nhân từ bản thân. Tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn phải

thực hiện sáu tiêu chí sau mới được xem là đúng: một là, Nghĩa với nước là phải tận trung với nước, giữ gìn ngọn rau tác đất nước nhà; hai là, Nghĩa với Thầy (giáo chủ) là thể hiện lòng hiếu hạnh, thảo hiền; ba là, Nghĩa với bạn là không phản bạn, không nói xấu bạn; bốn là, Nghĩa với bà con, song thân, luân lý là bản thân phải lễ phép, tôn trọng bà con, song thân, sống có đạo lý, hiếu thảo với song thân; năm là, Nghĩa với anh em là sống hòa thuận, đùm; sáu là, Nghĩa với cô bác xóm giềng hương thôn là phải thẳng thắn, cương trực, phải có tôn ti trật tự trong cách cư xử.

Quan điểm tứ ân trong đạo Phật giáo Hòa Hảo

Phật giáo Hòa Hảo, do ông Huỳnh Phú Sổ sáng lập ra năm 1939 tại làng Hòa Hảo, Châu Đốc, An Giang (nay thuộc huyện Phú Tân, tỉnh An Giang). “Hòa Hảo” là nơi ông Huỳnh Phú Sổ sinh trưởng, ngẫu nhiên bao hàm một ý nghĩa từ bi, nhân loại đại đồng, xây dựng trên nền tảng “hòa” đồng “hảo” hợp, ngoài ra ông cũng thường ký biệt danh Hòa Hảo. Còn cụm từ “Phật giáo” đã nói lên một cách sáng tỏ rằng đạo của ông là đạo Phật, giảng dạy giáo lý Phật giáo.

Ông Huỳnh Phú Sổ cũng vận dụng quan niệm tứ ân vào giáo lý của mình để truyền dạy cho tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Ông cho rằng, đền đáp trọn vẹn tứ ân thì tín đồ sẽ đạt được những điều sau:

“Vững vàng bất thoái công phu,
Tứ ân đã trả chẳng còn tội căn”.

Hay

“Nào là luân lý tứ ân,
Phải lo đền đáp xác thân mới còn”.

Thực hiện tứ ân là: ân đối với tổ tiên cha mẹ; ân đất nước; ân tam bảo; ân đồng bào và nhân loại (Huỳnh Phú Sổ, 1966: 146) (xem ân tổ tiên, cha mẹ là hàng đầu trong tứ ân). Đó là những nguyên tắc căn bản của đạo làm người, là bậc thang đầu tiên để giúp con người đạt được đức hạnh, thành chánh quả.

Tứ ân của Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và Phật giáo Hòa Hảo được thể hiện cụ thể như sau:

- Về quan điểm ân tổ tiên, cha mẹ (kế thừa từ ân phụ mẫu của Phật giáo): Tục ngữ có câu “*Cây có cội, nước có nguồn*” hay “*chim có tổ - người có tông*” hàm ý nhắc nhở người đời phải nhớ về tổ tiên, cha mẹ. Vì cha mẹ là người có công lao to lớn trong việc dưỡng dục ta nên người. Công lao ấy được ví như trời biển “*Công cha nặng lắm ai ơi, Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang*”. Tổ tiên, cha mẹ còn là người dựng nghiệp nhà cho con cháu đời sau. Bổn phận là con cháu phải biết ơn tổ tiên cha mẹ và phải giữ gìn.

Nhớ ơn tổ tiên là một nét văn hóa đẹp của dân tộc Việt Nam, không chỉ củng cố mối quan hệ huyết thống trong mỗi gia đình, dòng tộc mà còn khẳng định tính cộng đồng làng xã, góp phần bảo đảm sự ổn định, phát triển cho cả dân tộc. Do ân tổ tiên, con cháu tưởng

nhớ đến quá khứ, gửi gắm tình cảm của mình để thực hiện đạo lý “*ăn trái nhớ kẻ trồng cây*”, đây là giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc. Tưởng nhớ tổ tiên không chỉ là ôn lại quá khứ mà còn giúp con cháu noi gương cha ông, sống sao cho không phải hổ thẹn với tiền nhân.

Dựa trên các quan điểm đạo lý truyền thống ấy, ông Đoàn Minh Huyền, ông Ngô Lợi, ông Nguyễn Ngọc An và ông Huỳnh Phú Sổ đã lồng ghép vào giáo lý của tôn giáo mình để khuyên dạy tín đồ, khuyên dạy người dân. Quan điểm này được ông Đoàn Minh Huyền ghi trong *Sấm truyền* như sau:

“Bất hiếu phụ mẫu nghịch lời,
Cha sanh mẹ dưỡng là nơi ơn dày”
(Nguyễn Văn Hầu, 1973: 91).

Ở góc nhìn khác, ông Ngô Lợi khuyên tín đồ:

“Giáo cùng lớn nhỏ ai ai
Giữ đặng chữ hiếu hoài hoài đừng sai
....
Sớm khuya sẵn sóc hôm mai giữ gìn”
(Hà Tân Dân, 1971: 29).

Hay trong *Hiếu nghĩa kinh*, quyển Hạ, ông Ngô Lợi có nói như sau:

“Thượng thị phụ khí sanh, Hạ thủ mẫu huyết dưỡng.

Thiên địa âm dương hội, Phụ mẫu khí huyết hòa.

Thị cố sanh ngã đẳng, âm dương đồng thọ hưởng.

Thiên địa nhơn đồng đạo, Phụ mẫu nghĩa tối cao” (dẫn theo Hà Tân Dân, 1971: 26).

(Nghĩa là: Thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sanh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dài ấy. Làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật).

Trong trường hợp này, ông Ngô Lợi đặt hiếu nghĩa làm đầu trong tứ ân của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đây còn được xem là nguyên nhân hình thành nên tên gọi của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Bên cạnh sự kế thừa truyền thống hiếu thảo của dân tộc, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có sự vận dụng sáng tạo từ Nho giáo “Hiếu giả bách hạnh chi tiên” (có nghĩa là đạo hiếu đứng đầu trong trăm hạnh tốt), hoặc lấy chuyện *Nhị thập tứ hiếu* làm điều răn dạy sự hiếu thảo của con đối với cha mẹ. Ngoài ra, ông Ngô Lợi còn kế thừa triết lý Phật giáo: thờ cha mẹ chẳng ra gì, dù hàng ngày ăn chay niệm Phật cũng vô ích (Đình Văn Hạnh, 1999: 87-88).

Còn đối với Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, chữ Hiếu được đề cập trong *Triết Thánh đạo* như sau:

“Hiếu chi phụ mẫu, kế phụ mẫu không sanh có dưỡng đạo Đồng” (Nguyễn Ngọc An, 1968b: 19).

Hay trong giáo lý Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, ông Nguyễn Ngọc An (1968b: 23-24) khuyên tín đồ phải biết ơn, phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, người có công dưỡng dục sinh thành nên ta: “lúc cha mẹ ở với mình thì phải hết lòng yêu; lúc dưỡng nuôi cha

mẹ thì phải hết lòng vui; lúc cha mẹ bệnh thì phải hết lòng lo than thuốc săn sóc...”.

Ông Huỳnh Phú Sổ khuyên tín đồ thực hiện tứ ân, trong đó ân tổ tiên cha mẹ là ân nghĩa đầu tiên và quan trọng nhất trong tứ ân mà mỗi tín đồ Phật giáo Hòa Hảo cần phải thực hiện. Ông cho rằng: “Thiên kinh vạn điển, hiếu nghĩa vi tiên” (Huỳnh Phú Sổ, 1966: 176).

Muốn đền ơn cha mẹ, lúc sinh thời cha mẹ dạy bảo phải biết chăm chỉ lắng nghe, chớ nên xao lãng làm phiền lòng cha mẹ; phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh hoạn ốm đau; anh em phải hòa đồng, đoàn kết; tạo hạnh phúc cho gia đình. Con cháu luôn cầu chúc cho ông bà, cha mẹ được hưởng điều phước thọ; cầu cho linh hồn được siêu thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm luân khi qua đời.

Còn đền đáp công ơn của tổ tiên, phận làm con cháu phải làm cho vinh hiển đời mình để cho dòng dõi được thơm lây và đừng làm điều xấu ảnh hưởng đến tổ tông.

Qua phân tích ở trên cho thấy, quan điểm ân tổ tiên, cha mẹ của các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và Phật giáo Hòa Hảo mang đậm chất truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Chất truyền thống ấy tạo nên sự kết nối logic trong việc hoàn thiện nhân cách con người ở mỗi tín đồ.

- **Quan điểm ân đất nước** (tức ân quốc vương thủy thổ của Phật giáo) –

người sinh ta ra là tổ tiên, cha mẹ. Chúng ta sống và tồn tại trên thế gian nhờ đất nước quê hương, vì đây là nơi đã cưu mang, nơi đùm bọc che chở cho thân được yên, nhà được vững (Nguyễn Hồng Lương).

Trước tình hình xã hội phong kiến suy tàn, thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ, mùa màng thất bát, đại dịch hoành hành, đời sống người dân lầm than khổ cực, quan điểm ân đất nước của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã vực dậy lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về nòi giống, kêu gọi mọi người đứng lên chống giặc ngoại xâm, bảo vệ thành quả của cha ông. Đồng quan điểm như trên, tác giả Nguyễn Đăng Thục, trong tác phẩm của mình, đã đưa ra luận điểm như sau: “Ở Việt Nam từ trước đến nay cả hai khuynh hướng thờ phụng tổ tiên và thờ phụng tự nhiên đã tiến tới sự phối hợp làm một ở sự thờ phụng vị anh hùng dân tộc, vừa là linh hồn tiền nhân bất tử, vừa là những anh hùng phối hợp với các thế lực tự nhiên thần thánh hóa... và dân Việt tìm thấy ở trong sự thần thánh hóa anh hùng dân tộc ấy cái quốc hồn để làm sức mạnh cấu kết đoàn thể, để làm sinh lực sống còn của dân tộc” (xem Nguyễn Đăng Thục, 1959: 67).

Ân đất nước không phải là việc riêng của nhà lãnh đạo mà là của mọi người, mọi tín đồ trên đất nước Việt Nam. Do đó, mọi người phải có bổn phận và trách nhiệm đền đáp, phải cố gắng ra sức bảo vệ thậm chí có thể hy sinh cho quê hương, đất nước. Còn như ta

cảm thấy không đủ sức đảm đương việc lớn, hay chưa có cơ hội thuận tiện cho ta thực hiện, ta cũng không làm điều chi tổn hại đến quê hương hay tạo cơ hội và phương tiện cho kẻ thù chống lại quê hương xứ sở.

Về sau, quan điểm ân đất nước của ông Đoàn Minh Huyền được ông Ngô Lợi, ông Nguyễn Ngọc An và ông Huỳnh Phú Sổ kế thừa và vận dụng vào giáo lý của tôn giáo mình. Vì vậy, khi Pháp xâm chiếm miền Nam, các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và Phật giáo Hòa Hảo đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đó là đứng lên tham gia kháng chiến chống Pháp để “ân đền - nghĩa trả” đối với quê hương, xứ sở. Thực hiện được như thế, ngoài việc giúp cho đất nước cường thịnh thì cũng đã tự giúp cho gia đình, cho bản thân. Vì đất nước giàu có và phát triển thì gia đình mới ấm no, hạnh phúc. Đây được xem là điểm mới, điểm khác biệt khá nổi bật so với tứ ân của Phật giáo.

Quan điểm ân đất nước của ông Đoàn Minh Huyền được ông Ngô Lợi đề cập trong *Sám giảng ngũ giáo* của mình như sau:

“Quân vương nghĩa trọng biết bao,
Làm tôi lo báo công lao ở đời” (Vương Kim, 1966: 158).

Ông Nguyễn Ngọc An dùng chữ “Hiếu và Nghĩa” để khuyên tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn thực hiện tứ ân.

“Hiếu chi ư thiên tắc phong vũ thuận thì, Hiếu chi ư địa sanh hóa vạn vật,

Hiếu chi Tổ giáo huấn thập nhị công nghệ” hay “Nghĩa với nước phải tận trung vì nước, giữ gìn ngọn rau tấc đất nước nhà” (Nguyễn Ngọc An, 1968b: 19)

Phật giáo Hòa Hảo cũng cho rằng, đất nước có được như ngày hôm nay là nhờ công lao to lớn của các bậc tiền bối, đã tạo dựng lên bằng mồ hôi và nước mắt.

“Bắc Nam một dải san hà,
Mồ hôi giọt máu ông cha tài bồi”
(Huỳnh Phú Sổ, 1966: 504).

Với trách nhiệm và bổn phận của người con đối với quê hương đất nước, chúng ta phải ra sức bảo vệ đất nước ngày một phát triển và tốt đẹp hơn: “Cùng chung một giọt máu đào, phen này hiệp sức nâng cao nước nhà” (Huỳnh Phú Sổ, 1966: 507), phải quyết tâm bảo vệ đất nước khi bị giặc ngoại xâm, dù bỏ thân mạng cũng không phản bội Tổ quốc làm tay sai cho giặc “Thù giặc Pháp làm người phải trả, trừ tham quân bởi quá ngang tàng” (Huỳnh Phú Sổ, 1966: 536).

Khi đất nước bị giặc xâm lược thì các tín đồ phải ra sức bảo vệ, đứng lên chống giặc góp phần mang lại hòa bình, độc lập cho quê hương đất nước. Còn khi đất nước hòa bình thống nhất thì tín đồ phải trở về vị trí tu hiền để được vào cõi giải thoát: “Đền xong nợ nước thù nhà, thiên môn trở gót Phật Đà nam mô” (Huỳnh Phú Sổ, 1966: 518).

Với quan điểm ân đất nước như đã phân tích trên, chúng ta thấy rằng bốn tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân

Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và Phật giáo Hòa Hảo có sự kế thừa lẫn nhau. Mỗi tôn giáo nhìn nhận vấn đề về ân đất nước ở các góc độ khác nhau nhưng tất cả đều khuyến tín đồ ra sức xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

- **Quan điểm về ân tam bảo:** Quan điểm ân tam bảo của ông Đoàn Minh Huyền cũng giống như ân tam bảo của Phật giáo, gồm có: Phật, pháp, tăng. Để các tín đồ hiểu và thực hiện tốt việc ân tam bảo, ông Đoàn Minh Huyền xem xét trên hai phương diện để dạy tín đồ.

Về phương diện vật chất: Ông Đoàn Minh Huyền cho rằng con người được sinh ra, nuôi dưỡng nhờ tổ tiên cha mẹ, sống và tồn tại được là nhờ quê hương đất nước (dẫn theo Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hầu, 1972: 79).

Về phương diện tinh thần: Để có được sự sáng suốt, thông minh trong cuộc sống, con người phải nhờ ơn tam bảo, tức là ân Phật bảo, ân pháp bảo và ân tăng bảo (dẫn theo Vương Kim và Đào Hưng, 1953: 88). Do đó, để thực hiện tốt ân tam bảo bổn phận của tín đồ là phải noi theo chí đức của các bậc tiền nhân, sống và hành đạo đúng theo tinh thần của giáo lý, tiếp tục phát huy tinh thần đó để mở mang trí tuệ.

Trong *Sám truyền*, ông Đoàn Minh Huyền đã khuyến tín đồ:

“Khá khuyến cải dữ làm lành,
Sùng tu Tam Bảo học hành cho thông” (dẫn theo Nguyễn Văn Hầu, 1973: 95).

Ông Ngô Lợi và ông Huỳnh Phú Sổ đã kế thừa quan điểm ân tam bảo của ông Đoàn Minh Huyền. Trong *Linh Sơn hội thượng kinh*, ông Ngô Lợi kêu gọi tín đồ phải trọng ân tam bảo, cụ thể ngay khi hành lễ, người tín đồ đã được nhắc nhở trong phần niệm hương:

“Nam mô Phật Pháp Tăng bảo thượng hương” (dẫn lại theo Tam Bửu Tự, 1967: 2).

Do đó, muốn tu nhân thì các tín đồ phải đền đáp công ơn của Phật, pháp, tăng bằng cách noi theo gương của Phật, làm những điều Phật dạy, phổ biến tư tưởng của đức Phật đến bá tánh, cùng nhau trừ lòng tham, tiêu trừ cái ác, hướng về cái thiện, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, sống yên vui, đoàn kết dưới bóng từ bi của Phật... (dẫn theo Đinh Văn Hạnh, 1999: 89)

Với Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn thực hiện ân tam bảo là trách nhiệm của mỗi tín đồ, và khuyên tín đồ tiếp tục truyền bá giáo lý của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lợn đến mọi người dân để cùng hiểu, cùng làm việc thiện, sống có nhân đức, hướng đến chân thiện mỹ – quan điểm này được ông Nguyễn Ngọc An đề cập như sau:

“Hiếu chi Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nuôi dưỡng; Hiếu chi Tổ nội, Tổ ngoại đạo đồng nhất lý” hay “Nghĩa với Sư Thầy, người dạy ta nên hiếu hạnh thảo hiền” (Nguyễn Ngọc An, 1968b: 19).

Trong khi đó, ông Huỳnh Phú Sổ kêu gọi tín đồ tu để hiểu rõ căn cơ, phải

tôn kính và am hiểu Phật - pháp để tránh tai nạn. Ông cho rằng:

“Tu cho rõ mối huyền thâm, Qui đầu Phật pháp khỏi lâm tai nạn” (Huỳnh Phú Sổ, 1966: 168).

- Quan điểm về ân đồng bào, nhân loại:

Con người lúc mới lọt lòng mẹ, phải chịu ơn rất nhiều người xung quanh mình. Khi lớn lên, đi học, đi làm, tham gia các hoạt động xã hội thì sự chịu ơn ấy cũng lớn dần theo năm tháng. Ít nhiều trong xã hội, chúng ta đều hưởng thành quả lao động của đồng bào rộng hơn nữa là nhân loại. Do đó, trong cuộc sống, chúng ta phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau vì chúng ta có cùng màu da, cùng tiếng nói, cùng tồn tại trên quê hương đất nước. Có như thế, mới gọi là đền đáp “ân đồng bào nhân loại”.

Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với truyền thống của dân tộc Việt Nam “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*” hay “*Nhiều điều phủ lấy giá gương, người chung một nước phải thương nhau cùng*”...

Như vậy, việc lồng ghép giá trị vă hóa, đạo đức truyền thống vào giáo lý của Bửu Sơn Kỳ Hương, ông Đoàn Minh Huyền khuyên tín đồ phải sống chân thành, thương yêu nhau...

Quan điểm ân đồng bào nhân loại của ông Đoàn Minh Huyền đã được ông Ngô Lợi, ông Nguyễn Ngọc An và ông Huỳnh Phú Sổ vận dụng vào giáo lý của mình. Sự vận dụng ấy được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau.

Ông Nguyễn Ngọc An (1968b: 19) tiếp tục dùng chữ Nghĩa để khuyên tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn tu hành theo: “Nghĩa với bạn không phản bạn; Nghĩa với cô bác xóm giềng, hương thôn”.

Ông Huỳnh Phú Sổ cho rằng:

“Khấp Bắc Nam Lạc Hồng một giống,
Tha thứ nhau để sống cùng nhau.
Quý nhau từng giọt máu đào,
Đề đem máu ấy tưới vào địch quân”
(Huỳnh Phú Sổ, 1966: 523).

Quan điểm tu nhân - học Phật của các tôn giáo từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn đến Phật giáo Hòa Hảo đều dựa trên nền tảng đạo đức của dân tộc, với nội dung là báo đáp tứ ân. Quan điểm này không nặng về triết lý và siêu hình mà giản dị, phù hợp với thuần phong mỹ tục, tu tâm dưỡng tính cũng là tìm đến tâm phật: “Phật tức tâm, tâm tức Phật”.

Nhìn chung, bốn tôn giáo trên đã thể hiện rõ tính nhập thế, luôn dạy tín đồ lấy báo ân làm đầu. So với Phật giáo, các tôn giáo này được canh tân theo hướng bình dân hóa, hiện đại hóa vì có tinh thần dân tộc, tư tưởng chúng sinh, bình đẳng trên một số lĩnh vực xã hội và truyền thống văn hóa bản địa. Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu

Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và Phật giáo Hòa Hảo mang tính chất phổ thông, phù hợp với đại đa số người dân Nam Bộ lúc bấy giờ.

3. KẾT LUẬN

Để đáp ứng nhu cầu về mặt tâm linh và phù hợp với trình độ nhận thức lúc bấy giờ của người dân Nam Bộ, các tôn giáo bản địa đã vận dụng một cách linh hoạt tư tưởng giáo lý của Phật giáo, thực hành tam cương, ngũ thường của Nho giáo, tư tưởng vô vi của Đạo giáo với truyền thống văn hóa và tín ngưỡng dân gian người dân Nam Bộ để đưa ra tư tưởng tứ ân trong giáo lý, tôn chỉ hành đạo của mình. Tư tưởng tứ ân của các tôn giáo ngoài khuyên dạy tín đồ làm lành lánh dữ, còn tập hợp nhân dân đứng lên chống giặc cứu nước bảo vệ quê hương, dân tộc.

Tuy tên gọi khác nhau nhưng giáo lý, tôn chỉ hành đạo của Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và Phật giáo Hòa Hảo đều khuyên tín đồ hiếu thảo với cha mẹ sinh thành dưỡng dục, biết dũng cảm đứng lên bảo vệ quê hương đất nước, bảo vệ nòi giống, biết tự rèn luyện bản thân... Đây chính là tinh hoa của các tôn giáo bản địa ở Nam Bộ cần được giữ gìn và phát huy. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hầu. 1972. *Thất Sơn màu nhiệm*. Sài Gòn: Nxb. Từ Tâm.
2. Đinh Văn Hạnh. 1999. *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ (1867-1975)*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
3. Hà Tân Dân. 1971. *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Sài Gòn: Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật

giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

4. Huỳnh Phú Sổ. 1966. *Sám giảng thi văn giáo lý*. Ban Phổ thông Giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo.
5. Nguyễn Đăng Thục. 1959. *Triết lý văn hóa khái luận*. Sài Gòn: Nxb. Văn Hữu Á Châu.
6. Nguyễn Hồng Lương. *Ảnh hưởng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đến đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ*. http://btgcp.gov.vn/gioi-thieu-cac-to-chuc-ton-giao-da-duoc-cong-nhan/Anh_huong_cua_dao_Buu_Son_Ky_Huong_den_doai_song_tinh_than_cua_nguoi_dan_Nam_Bo-postLpP6XGmX.html, truy cập ngày 1/3/2021.
7. Nguyễn Ngọc An. 1968a. *Luật Đạo*. An Bình Tự.
8. Nguyễn Ngọc An. 1968b. *Triết Thánh đạo*. An Bình Tự.
9. Nguyễn Văn Hào. 1973. *Sám truyền Đức Phật Thầy Tây An*. Ban Quản tự Tông Sơn cổ tự.
10. Tam Bửu Tự. 1967. *Linh Sơn hội thượng kinh, Hiếu nghĩa kinh* (quyển Thượng, Trung và Hạ). Chợ Lớn: Nhà in Phật Đường Tự.
11. Vương Kim và Đào Hưng. 1953. *Đức Phật Thầy Tây An*. Sài Gòn: Nxb. Long Hoa.
12. Vương Kim. 1966. *Bửu Sơn Kỳ Hương*. Sài Gòn: Nxb. Long Hoa.